

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2017/HCPT

Ngày: 28/7/2017

V/v Kiện quyết định hành chính trong
lĩnh vực quản lý đất đai

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Thi

Ông Nguyễn Xuân Điền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân, Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 133/2017/TLPT-HC ngày 14 tháng 6 năm 2017 về việc “*Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2017/HCST ngày 22/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 133/2017/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Ông Nguyễn K, sinh năm 1957.

Trú tại: Thị trấn T, huyện B, tỉnh Quảng Nam. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Thành Q, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. (Có mặt).

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Nam

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Anh T – Chức vụ: Chủ tịch.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn N – Chức vụ: Phó Chủ tịch Thường trực UBND huyện B, tỉnh Quảng Nam. (Có mặt).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Văn N – Chức vụ: Phó Chủ tịch. (Có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Trú tại: xã TG, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

3. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1959.

Trú tại: thị trấn T, huyện B, tỉnh Quảng Nam. (Bà L vắng mặt ủy quyền cho ông Nguyễn K tham gia tố tụng).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, lời trình bày tại phiên đối thoại và lời trình bày của người khởi kiện tại phiên tòa, như sau:

Năm 1980, gia đình ông lên làm ăn, sinh sống có khai hoang một diện tích đất 1.156m² tại thị trấn T, huyện B. Năm 2002, ông làm hồ sơ xin cấp đất và được UBND huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 204, tờ bản đồ số 16 với diện tích 973,6m². Năm 2008 gia đình ông xây dựng nhà hàng TB lúc đó chưa có quy trình xin cấp giấy phép xây dựng. Năm 2012, ông có cho Công ty TG mượn đường mức bê tông, đất để đi vận chuyển vật liệu làm đường bờ kè suối chợ phía sau nhà ông. Khi trả đất, công ty này đã san bằng và đổ đất xuống suối, ông có cho mức đất và trả lại dòng chảy. Ngày 12/12//2012, Đội quản lý đô thị của UBND huyện B lập biên bản làm việc và cho rằng ông có hành vi lấn chiếm đất của Nhà nước. UBND huyện B yêu cầu hộ ông phải làm đơn xin cấp đất thuộc trường hợp có nộp tiền sử dụng đất đối với diện tích 226m² đất mà ông đã lấn chiếm xây dựng nhà hàng và yêu cầu hộ ông trả lại 162m² đất từ mép nhà hàng đến sát bờ suối. Đối với diện tích đất là 226m² ông đã chấp nhận nộp tiền sử dụng đất và được UBND huyện chấp nhận giao đất có thu tiền sử dụng đất. Nhưng đối với diện tích đất 162m² mà lúc đó gia đình ông đã làm mái che thì UBND huyện B không ra quyết định thu hồi đất và không bồi thường thiệt hại về tài sản trên đất khi thu hồi đất của gia đình ông. Vì vậy, ông làm đơn khiếu nại và ngày 03/7/2014, UBND huyện B ban hành Công văn số 965/UBND-TNMT với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông. Đến ngày 28/10/2014 thì lực lượng chức năng đến tiến hành cưỡng chế, giải phóng mặt bằng, phá dỡ tài sản và cây cối của ông. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết huỷ Công văn số 965/UBND-TNMT ngày 03/7/2014 của UBND huyện B; buộc UBND huyện B

phải ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 162m² đất mà UBND huyện B đã thu hồi và xây dựng trụ sở tổ dân phố TĐB, thị trấn T theo quy định; tuyên bố hành vi cưỡng chế của UBND huyện B là trái quy định pháp luật và bồi thường thiệt hại cho gia đình ông K.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L do ông Nguyễn K đại diện theo ủy quyền thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông K.

Theo lời trình bày tại phiên đối thoại và lời trình bày của người đại diện người bị kiện UBND huyện B, lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện B tại phiên tòa, như sau:

Năm 2005, ông K có làm hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông. Trên cơ sở đó, các cơ quan có thẩm quyền tiến hành đo đạc và UBND huyện B đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K với diện tích 973,6m². Năm 2012, sau khi phát hiện gia đình ông K lấn chiếm đất bờ suối thì UBND thị trấn T đến đo đạc, phát hiện và lập biên bản về việc ông K lấn chiếm 226m² đất coi nơi để xây dựng thêm nhà hàng tiệc cưới TB đã được xây dựng vào năm 2008; lấn chiếm làm sân bê tông vi phạm hành lang giao thông 51,23m² và tự ý đổ đất lấn chiếm 162m² đất của Nhà nước quản lý thuộc thửa 167, tờ bản đồ số 16 do bà Nguyễn Thị T đăng ký trước đây nhưng không sử dụng. Qua đo đạc ông K thừa nhận có đổ đất lấn chiếm và ông K đã trả lại 51,23m² phần đất lấn chiếm hành lang giao thông đường bộ, ông K có làm đơn xin cấp 222m² đất thuộc trường hợp có nộp tiền sử dụng đất mà lúc đó đã xây dựng nhà hàng để chuyển đổi mục đích sử dụng và được UBND huyện chấp nhận giao đất có thu tiền sử dụng đất. Đối với diện tích đất 162m² đất bị ông K lấn chiếm đã làm mái che di động, UBND huyện yêu cầu ông K tháo dỡ để trả lại đất cho Nhà nước. Ông K đã tự tháo dỡ trả mặt bằng cho Nhà nước.

Như vậy, trình tự cấp đất cho gia đình ông Nguyễn K vào năm 2005 và việc giao 222m² đất cho hộ gia đình ông Nguyễn K thuộc trường hợp có thu tiền sử dụng đất theo đơn xin cấp đất của ông K là đúng quy định của pháp luật. Còn diện tích đất 162m² mà gia đình ông K đã lấn chiếm tại thửa 167, tờ bản đồ số 16 thuộc quyền quản lý của Nhà nước. Vì vậy, UBND huyện ra thông báo yêu cầu ông K tháo dỡ mái che để trả lại đất cho Nhà nước mà không ra quyết định thu hồi đất là đúng pháp luật. Bởi, diện tích đất gia đình ông K lấn chiếm không thuộc trường hợp phải thu hồi theo Điều 64, Điều 65 Luật Đất đai năm 2013. Còn đối với yêu cầu bồi thường đất và tài sản trên đất của gia đình ông K thì UBND huyện B không cưỡng chế nên không gây thiệt hại cho gia đình; mặt khác, diện tích ông lấn chiếm không thuộc trường hợp phải ra quyết định thu hồi nên không

phải bồi thường đất và giá trị tài sản trên đất như ông yêu cầu.

Theo văn bản số 03/UBND-ĐC ngày 06/01/2017 của UBND thị trấn T và lời trình bày của người đại diện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND thị trấn T tại phiên tòa, như sau:

Năm 1999, ông K đăng ký hồ sơ địa chính thửa đất số 204, tờ bản đồ số 16, diện tích 1.156m². Năm 2002, ông K có đơn xin xác nhận nguồn gốc đất và được UBND thị trấn xác nhận. Năm 2005, các cơ quan có thẩm quyền xem xét và đo đạc theo diện tích đất thực tế mà gia đình ông K đang sử dụng và UBND huyện B đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K với diện tích 973,6m². Việc đo đạc thực tế và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông K là đúng theo quy định của pháp luật, từ đó cho đến nay ông K ở ổn định và không có ý kiến gì. Năm 2012, khi UBND thị trấn T xuống đo đạc và phát hiện ông K sử dụng đất vượt quá diện tích đất mà ông đã được cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã tiến hành lập biên bản vi phạm. Qua làm việc ông K thừa nhận việc làm của mình là vi phạm pháp luật và cam kết trả lại 51,23m² đất đã làm sân bê tông và 162m² đã đổ đất lấn chiếm, UBND huyện đã giao lại diện tích đất này cho UBND thị trấn quản lý và kiểm tra việc chấp hành giao trả đất của ông Nguyễn K.

Bên cạnh đó, thửa đất số 167, diện tích 978m² do bà T kê khai năm 1999 nhưng bà T không sử dụng nên diện tích đất này UBND thị trấn quản lý, không lập thủ tục giao đất và cấp Giấy CNQSD đất cho cá nhân nào nên có cơ sở để khẳng định diện tích đất này không thuộc quyền sử dụng của ông Nguyễn K. Việc khởi kiện của ông Nguyễn K là không đúng quy định pháp luật.

Theo bản trình bày trước đây của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T và nội dung từ chối nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, thể hiện:

Trước đây, cha ruột của bà là ông Nguyễn Văn K (đã chết) có khai hoang diện tích đất tại thị trấn T để trồng cây. Năm 1985, cha bà làm ngôi nhà bằng gỗ sồi sài trên đất để nuôi gia súc, gia cầm. Đến năm 1993, bà lập gia đình nên cha bà cho bà diện tích đất khoảng 1.000m² để làm nhà ở. Sau đó bà đi dạy học tại xã TG nên không thể làm nhà được. Năm 1999, bà đăng ký mảnh đất đó mục đích là để làm nhà sau này nhưng trong quá trình sinh sống, gia đình xảy ra nhiều mâu thuẫn, chồng bà không cho gia đình về thị trấn T sinh sống nữa nên bà cư ngụ cùng chồng tại xã TG cho đến nay và không sử dụng diện tích đất đó nữa, cũng không làm thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ theo quy định. Năm 2012, UBND huyện thu hồi để làm trụ sở tổ dân phố, bà T không có yêu cầu gì. Hiện nay bà T từ chối

nhận các văn bản tố tụng của Tòa án với lý do vụ án này đã được giải quyết rồi, bà không còn liên quan gì nữa.

** Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2017/HC-ST ngày 22/3/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam quyết định:*

Áp dụng khoản 2 Điều 7; khoản 4 Điều 32; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính 2015.

Xử:

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn K về việc yêu cầu hủy Công văn số 965/UBND-TNMT ngày 03/7/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B về việc trả lời đơn của ông Nguyễn K.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn K về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện B ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường, hỗ trợ đối với diện tích 162m² thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 16 tại tổ dân phố TĐB, thị trấn T, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

- Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn K về việc tuyên bố hành vi cưỡng chế của Ủy ban nhân dân huyện B là trái quy định pháp luật.

- Tách yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông Nguyễn K để giải quyết bằng một vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự khi ông Nguyễn K có yêu cầu.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/4/2017, người khởi kiện ông Nguyễn K kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán và HĐXX thực hiện đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn K, sửa bản án sơ thẩm, hủy Công văn số 965/UBND-TNMT ngày 03/7/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, người bị kiện vẫn giữ nguyên văn bản hành chính bị khiếu kiện, ông Nguyễn K vẫn giữ nguyên đơn kháng cáo. Các đương sự không hòa giải với nhau về việc giải quyết vụ án.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét nội dung đơn kháng cáo của ông Nguyễn K, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Vào năm 1980 hộ gia đình ông Nguyễn K có khai hoang một diện tích đất tại TĐB, thị trấn T, huyện B. Tại hồ sơ đăng ký địa chính thể hiện diện tích đất đăng ký là 1.156m². Đến năm 2005 ông K làm hồ sơ và được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 973,6m² tại thửa đất số 204 tờ bản đồ số 16. Tiếp đó đến năm 2013 ông K được UBND huyện B cho phép ông được sử dụng 226m² đất thuộc trường hợp giao đất có thu tiền sử dụng đất, diện tích đất này nằm sát với diện tích đất ông đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2005. Trên diện tích đất nêu trên ông K đã xây dựng công trình là nhà ở và nhà hàng TB.

[2] Đối với diện tích đất 162m² được điều chỉnh bởi văn bản 965/UBND-TNMT ngày 03/7/2014, văn bản này bị ông K khởi kiện. Hội đồng xét xử xét thấy diện tích đất nêu trên nằm giáp với diện tích đất mà ông Nguyễn K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và diện tích 226m² ông K được nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Theo hồ sơ địa chính và tại văn bản số 1448/UBND-TNMT ngày 08/9/2016 (BL 205) UBND huyện B xác nhận: diện tích đất này nằm trong tờ bản đồ số 16 thuộc thửa đất số 167 diện tích là 978m², xác lập năm 1999; được kê khai trong sổ mục kê và sổ địa chính là bà Nguyễn Thị T; tuy nhiên trong sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không có tên, đồng thời trong các hồ sơ lưu vẫn không có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị T, UBND huyện B cũng khẳng định từ sau khi kê khai cho đến nay bà T không quản lý và sử dụng đất nêu trên, bà T cũng không cư trú tại TĐB, thị trấn T. Tại bản trình bày ngày 07/5/2015 (BL 129) bà Nguyễn Thị T cũng thừa nhận diện tích đất nêu trên của cha bà khai hoang từ lâu và có cho bà đất đó từ năm 1993 tuy nhiên bà không quản lý và sử dụng từ đó đến nay.

[3] Qua toàn bộ chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định, diện tích đất 162m² nêu trên nằm sát với đất nhà hàng TB của ông Nguyễn K, một bên giáp với suối, diện tích đất này do ông Nguyễn K sử dụng và có tôn tạo cùng với thời gian sử dụng, tôn tạo 02 diện tích đất cùng với công trình xây dựng, điều này được thể hiện tại biên bản bàn giao mốc mặt bằng thửa đất tại bên cạnh nhà hàng TB (BL 100). Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Ủy ban nhân dân huyện B thừa nhận giá trị pháp lý của văn bản này. Theo văn bản nêu trên thì trên đất 162m² có các tài sản là không gian mái hiên nhà hàng TB, và ½ công trình phụ nhà hàng và mái hiên khung sắt gắn liền trên đất, phía dưới đất nền xi

măng và 09 trụ bê tông hàng rào nhà hàng TB. Tại biên bản đối thoại ngày 28/7/2015 (BL 115) các nhân chứng cũng xác nhận từ trước năm 1980 chỉ có gia đình ông K ở khu vực đất đang tranh chấp ngoài ra thì không có ai ở đó. Việc ông K tôn tạo đất và trồng cây giữ đất cũng được phía Ủy ban nhân dân huyện B và Trung tâm phát triển quỹ đất thừa nhận và thông báo nhận tiền hỗ trợ chặt hạ tre (BL 194).

[4] Như vậy việc ông K có sử dụng diện tích đất 162m² từ năm 1980, cùng với diện tích đất 973,6m² và 226m² đã được nhà nước giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong quá trình sử dụng đất ông có tôn tạo đất, trồng cây và xây dựng công trình trên đất là đúng sự thật. Mặc dù vào năm 1999 bà Nguyễn Thị T có kê khai nhưng bà không làm thủ tục cấp giấy chứng nhận QSD đất, không trực tiếp quản lý và sử dụng đất. Đồng thời từ trước đó cho đến thời điểm ngày 12/12/2012, Đội quản lý đô thị Ủy ban nhân dân huyện B có biên bản làm việc, và cho đến sau này thì diện tích đất nêu trên chưa có quyết định của cơ quan có thẩm quyền giao đất cho tổ chức hay cá nhân nào. Với nguồn gốc đất và quá trình diễn biến sử dụng đất nêu trên, tại văn bản ngày 08/9/2016 và quá trình giải quyết vụ án, Ủy ban nhân dân huyện B và Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ lời khai bổ sung tại bản khai ngày 08/5/2015 của bà T để cho rằng thửa đất trên là do bà T giao lại cho ủy ban nhân dân thị trấn quản lý là chưa có căn cứ theo quy định của Luật Đất đai.

[5] Trong quá trình giải quyết đơn khiếu nại, ông Nguyễn K có cam kết trả lại đất, nhưng ông cũng có ý kiến đề nghị phải xem xét quá trình sử dụng đất của ông và có phương án bồi thường thỏa đáng, chính vì không thỏa thuận được và Ủy ban nhân dân huyện B cho rằng ông K lấn chiếm đất nhà nước nên không bồi thường, do vậy dẫn đến việc ông K không nhất trí bàn giao đất và khiếu nại. Như vậy ông Nguyễn K là người đang sử dụng đất nằm ngoài diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích đất được nhà nước giao đất ông K sử dụng ổn định và không tranh chấp. Nay Ủy ban nhân dân huyện B có chủ trương thu hồi để dùng vào việc xây dựng trụ sở tổ dân phố thì bắt buộc UBND huyện B phải ra quyết định thu hồi đất và giao đất cho UBND thị trấn T quản lý theo đúng quy định của Luật Đất đai. Đến năm 2014, UBND huyện B không ra quyết định thu hồi đất của chủ thể đang quản lý và sử dụng đất là ông Nguyễn K, dẫn đến khiếu nại. Sau đó UBND huyện B ban hành văn bản trả lời số 965/UBND-TNMT ngày 03/7/2014 với nội dung cho rằng ông K lấn chiếm đất của nhà nước và hộ ông K đã thông nhất giao cho nhà nước nên không ra quyết định thu hồi và giải quyết bồi thường hỗ trợ giá trị san lấp mặt bằng, công bồi trúc, thiệt hại tài sản

cây cối trên đất theo quy định của pháp luật về đất đai gây ảnh hưởng lớn đến đời sống kinh tế cho ông K. Do đó đơn kháng cáo của ông K là có cơ sở để chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải hủy văn bản hành chính số 965 ngày 03/7/2014 của UBND huyện B và buộc UBND huyện B thực hiện việc ra quyết định thu hồi đất, giao đất và bồi thường theo đúng quy định của pháp luật về đất đai. Nhằm đảm bảo pháp luật về đất đai phải được áp dụng đúng đắn, bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của người dân để tránh gây khiếu nại kéo dài.

[6] Tại phiên tòa hôm nay người khởi kiện cung cấp 01 đĩa video thể hiện UBND huyện B có hành vi cưỡng chế. Trong hình ảnh người khởi kiện cung cấp có thể hiện khi máy xúc thi công trên mảnh đất 162m² ông K có hành vi cản trở và cũng trong hình ảnh thể hiện có cảnh sát đến can thiệp hành vi của ông K; về phía UBND huyện B thừa nhận những hình ảnh của ông Nguyễn K đưa ra. Tuy nhiên phía UBND huyện B cho rằng không có việc cưỡng chế và cho đó là việc bảo vệ công trình thi công.

[7] Từ những viện dẫn và phân tích nêu trên xét thấy cần phải sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn K.

[8] Về án phí: Ông Nguyễn K không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và phúc thẩm.

Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Nam phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính.

Chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn K. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2017/HCST ngày 22/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Căn cứ Điều 53, điểm a khoản 3 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính; Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông Nguyễn K về việc yêu cầu hủy Công văn số 965/UBND-TNMT ngày 03/7/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Nam về việc trả lời đơn của ông Nguyễn K. Hủy toàn bộ Công văn số

965/UBND-TNMT ngày 03/7/2014 của Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Nam.

2. Buộc Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Nam ban hành quyết định thu hồi đất và bồi thường hỗ trợ đối với diện tích đất 162m² thuộc thửa đất số 167, tờ bản đồ số 16 tại TĐB, thị trấn T, huyện B, tỉnh Quảng Nam.

3. Về án phí:

Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Quảng Nam phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

Ông Nguyễn K không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn K 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số 006687 ngày 02/12/2014 và 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 000472 ngày 18/4/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Thành